

Số:64/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn B, xã A, huyện T, tỉnh B.

* Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: thôn B, xã A, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 156; Điều 157; khoản 1 Điều 164; khoản 4 Điều 165; khoản 1, khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: bà T, ông H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 1998 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 35.325.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000362 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 35.175.000 đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.900.000 đồng chi phí định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận bà T đã nộp đủ số tiền chi phí định giá, thẩm định tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Oanh